

Bản án số: 844/2025/DS-PT
Ngày: 10/12/2025
Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Gia Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 561/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1159/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn M (tên gọi khác: Một Em), sinh năm 1964 (Có mặt);

2. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1966 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp).

- Người kháng cáo: Bị đơn Đinh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Vợ chồng bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn M (tên gọi khác: Một Em) có tham gia của bà 02 dây hụi như sau:

- Hụi 3.000.000đồng, khai ngày 30/10/2018 âm lịch, hai tháng khai một lần, hụi có 18 phần, bà T và ông M tham gia một phần (ghi tên là 1 em). Bà T và ông M hốt kỳ khai hụi đầu tiên, đã nhận đủ tiền hốt hụi. Bà T và ông M đóng 10 lần hụi chết thì ngưng, bà phải choàng cho bà T và ông M 07 phần hụi chết là 21.000.000đồng.

- Hụi 5.000.000đồng, khai ngày 15/5/2019 âm lịch, có 16 phần, ba tháng khai một lần, bà T và ông M tham gia 01 phần (ghi tên là 1 em). Bà T và ông M hốt kỳ khai hụi thứ 02, đã nhận đủ tiền hốt hụi. Bà T và ông M đóng được 08 lần hụi chết thì ngưng, bà phải choàng cho bà T và ông M 07 phần hụi chết là 35.000.000đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà T và ông M còn nợ lại 56.000.000đồng tiền hụi chết.

Ngoài ra bà T và ông M có hỏi vay 34.000.000đồng (không tính lãi), do tin tưởng nên không làm biên nhận tiền vay.

Từ lúc mần hụi và vay tiền đến nay bà T và ông M không trả. Bà có đòi nhiều lần thì phát sinh mâu thuẫn.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Đinh Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi là 56.000.000đồng và số tiền nợ vay là 34.000.000đồng. Tổng cộng là 90.000.000đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Danh sách 02 dây hụi; biên bản hòa giải ngày 31/01/2024 tại Tòa án ông M thừa nhận vợ chồng còn nợ 90.000.000đồng; các đoạn ghi âm ngày 25/10/2023 thể hiện nội dung ông M thừa nhận vợ chồng còn nợ số tiền 90.000.000đồng được Văn phòng thừa phát lại huyện C lập vi bằng số 04/2025/VB-TPL ngày 03/3/2025; lời trình bày của bà T tại bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024 ngày 30/8/2024.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Việc tham gia chơi hụi và vay tiền là do vợ ông là bà T thỏa thuận với bà C nên ông không biết cụ thể. Ông thừa nhận nội dung lời nói trong các đoạn ghi âm được Văn phòng thừa phát lại huyện C lập vi bằng số 04/2025/VB-TPL ngày 03/3/2025 là của ông với bà C. Vợ chồng có nợ bà C số tiền hụi chết của 02 dây hụi và tiền vay như bà C trình bày nhưng vợ chồng đã trả xong nợ khoảng trong năm 2021 nhưng không nhớ cụ thể vì không có làm giấy tờ gì. Nay vợ chồng không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, khoản 2 Điều 468, 463, 646, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 90.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, bị đơn Đinh Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn bà Đinh Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi” là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Đinh Thị T nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T:

Ông Nguyễn Văn M và bà Đinh Thị T là vợ chồng. Bà Nguyễn Thị Cẩm K yêu cầu ông M và bà T trả số tiền hụi là 56.000.000đồng và tiền vay là 34.000.000đồng. Căn cứ bà C khởi kiện là danh sách 02 dây hụi, biên bản hòa giải ngày 31/01/2024 và đoạn ghi âm đoạn ghi âm ngày 25/10/2023.

Ông Nguyễn Văn M trình bày ông và bà T có nợ tiền hụi và tiền vay như bà C trình bày nhưng đã trả nợ xong vào năm 2021. Vợ chồng ông không đồng ý trả tiền cho bà C. Bà Đinh Thị T vắng mặt không có ý kiến tại giai đoạn sơ thẩm.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Bà T không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

Nhận thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 31/01/2024 ông Nguyễn Văn M trình bày: “...Cho đến khi chị C đến nhà đòi tiền nợ thì vợ tôi mới nói với tôi là có nợ tiền của chị C. Lúc đó tôi mới biết về số tiền nợ 90.000.000đồng chứ trước giờ tôi không có chơi hụi hay mượn tiền gì của chị C...Tuy đây là số tiền nợ của bà T nhưng tôi sẽ bàn bạc với gia đình để trả dần số tiền 90.000.000đồng”. Tại đoạn ghi âm ngày 25/10/2023 được Văn phòng T lập vi bằng ngày 3/3/2025 có đoạn:

“...Bà C: Mà bác có nhớ bác thiếu bao nhiêu không?

Ông M: Chín mươi phải không?

Bà C: Ừ chín chục triệu, bởi vậy lâu quá con sợ ông không nhớ nữa...”

Nhận thấy, theo Biên bản hòa giải ngày 31/01/2024 và tại đoạn ghi âm ngày 25/3/2023 ông M thừa nhận vợ chồng ông có nợ bà C số tiền 90.000.000 đồng nên việc bà Cẩm K yêu cầu ông M và bà T trả số tiền hụi, tiền vay 90.000.000đồng là có căn cứ pháp luật. Ông M trình bày, ông đã trả cho bà C số tiền 90.000.000đồng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh và phía bà C cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để chấp nhận. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ pháp luật.

Về chi phí tố tụng, bà Nguyễn Thị C đã đóng chi phí lập vi bằng là 5.000.000đồng, yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên Tòa sơ thẩm

buộc ông M và bà T trả cho bà C số tiền chi phí tố tụng 5.000.000đồng là có căn cứ pháp luật. Tổng cộng các khoản nêu trên ông M và bà T phải trả cho bà C số tiền là 95.000.000đồng.

Bà T kháng cáo không đồng ý trả tiền cho bà C nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm chỉ tính đối với số tiền vay và tiền hui mà ông M và bà T có nghĩa vụ trả cho bà C là 90.000.000đồng, đối với số tiền chi phí tố tụng 5.000.000đồng ông M và bà T có nghĩa vụ trả cho bà C thì họ không phải chịu án phí nhưng Tòa sơ thẩm buộc bà C phải chịu là không đúng nên được điều chỉnh lại. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Đinh Thị T phải chịu 2.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng án phí phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị C được hoàn lại 2.250.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 288, khoản 2 Điều 468, 463, 646, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phườg; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.
 - Buộc bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vay và tiền hui là 90.000.000đồng.
 - Về chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 5.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Đinh Thị T phải chịu 2.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001674 ngày 18/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên bà T phải nộp tiếp số tiền 2.250.000đồng.

Bà Nguyễn Thị C được hoàn lại 2.250.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003136 ngày 31/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đồng Tháp).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TPT-TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4-Dồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan

